

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-ST  
Ngày 20-6-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ**

**TH2nh phần hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Ngọc Tân; Bà Nguyễn Thị Hương.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Việt Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Bị cáo: Nguyễn Công H;** tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam;

Sinh ngày 22/8/1971, tại xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Tổ 11, phường Tr, tH2nh phố B, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Công B1, sinh năm 1937 (Năm 1973 và 1985 được NH2 nước tặng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang và Huân chương kháng chiến hạng Ba); Họ và tên mẹ: Phạm Thị T- đã chết; Vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1976; Có 2 con, sinh năm 1998 và 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ tháng 3 năm 1991 đến tháng 3 năm 1993 tham gia nghĩa vụ quân sự; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**2. Bị cáo: Nguyễn Thế Th;** tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam;

Sinh ngày 23/10/1993, tại xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Thế Th1, sinh năm 1973; Họ và tên mẹ: Ngô Thị Tr1, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1994; Có 2 con, sinh năm 2015 và 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Từ tháng 9/2011 đến tháng 8/2013 tham gia nghĩa vụ quân sự; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**3. Bị cáo: Nguyễn Công B2;** tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam;

Sinh ngày 27/12/1963, tại xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Công Th2; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị S- đều đã chết; Vợ: Phạm Thị B3, sinh năm 1964; Có 3 con, lớn nhất sinh năm 1990; nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định số 37/QĐ-XPVPHC ngày 22/12/2010, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt 1.000.000 đồng về H2nh vi đánh bạc; chấp H2nh xong ngày 25/12/2010; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**4. Bị cáo: Nguyễn Đắc Th3;** tên gọi khác: Không có; giới tính: nam;

Sinh ngày 12/02/1961, tại xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Đắc T1; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị B4- đều đã chết; Vợ: Phạm Thị Th4, sinh năm 1977; Có 2 con, sinh năm 2005 và 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ tháng 02 năm 1979 đến tháng 8 năm 1983, tham gia nghĩa vụ quân sự; Quyết định số 79/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2002, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt 200.000 đồng về H2nh vi đánh bạc; chấp H2nh xong ngày 18/3/2002; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**5. Bị cáo: Nguyễn Văn H2;** tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam;

Sinh ngày 02/10/1984, tại xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Văn L1- đã chết; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị U, sinh năm 1956; Vợ: Vũ Thị N1, sinh năm 1991; Có 3 con, lớn nhất sinh năm 2009; nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**6. Bị cáo: Nguyễn Công L2;** tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam;

Sinh ngày 14/10/1978, tại xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn Tr1, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Công Đ, sinh năm 1947 (Năm 1985, được NH2 nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1950; Vợ: Phạm Thị Y, sinh năm

1983; Có 3 con, lớn nhất sinh năm 2004; nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ tháng 3 năm 1996 đến tháng 12 năm 1997, tham gia nghĩa vụ quân sự;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**7. Bị cáo: Nguyễn Quốc H3;** tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/1960, tại xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Quốc H4- đã chết (năm 2001, được NH2 nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị R- đã chết; Vợ: Đỗ Thị Th5, sinh năm 1962; Có 2 con, sinh năm 1985 và 1987; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ tháng 6 năm 1979 đến tháng 9 năm 1985, tham gia nghĩa vụ quân sự. Năm 1984, được NH2 nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**8. Bị cáo: Nguyễn Duy T2;** tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam;

Sinh ngày 12/10/1995, tại xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn Tr1, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Duy V, sinh năm 1965; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L3, sinh năm 1975; Vợ: Phạm Thị Ng, sinh năm 1995; Có 2 con, sinh năm 2015 và 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định số 164/QĐ-XPVPHC ngày 20/7/2016, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt 1.500.000 đồng về H2nh vi đánh bạc; chấp H2nh xong ngày 25/7/2016; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**9. Bị cáo: Nguyễn Công V1;** tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam;

Sinh ngày 28/02/1987, tại xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Công V2- đã chết; Họ và tên mẹ: Phạm Thị B5, sinh năm 1962; Vợ: Phạm Thị Ng1, sinh năm 1992; Có 2 con, sinh năm 2014 và 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông **Phạm Công B1**, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

**Người làm chứng:** Anh Nguyễn Thế S1, sinh năm 1978; Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1962; Ông Nguyễn Văn Th6, sinh năm 1972; Ông Nguyễn

Văn B6, sinh năm 1966.

Đều ở địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng)*

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:** Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 03/3/2022, tại nh2 ở của gia đình ông Nguyễn Công B1, sinh năm 1937, địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình, tổ công tác của Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thế Th, Nguyễn Công B2, Nguyễn Đắc Th3, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Công L2, Nguyễn Quốc H3, Nguyễn Duy T2 và Nguyễn Công V1 đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “sóc đĩa”, thu trên chiếu bạc số tiền 13.650.000 đồng, 51 lá bài tứ lơ khơ, 04 quân vị, 01 bát sù, 01 đĩa sù và 01 chiếc kéo. Kiểm tra, thu giữ trên người 8 đối tượng đánh bạc số tiền 16.920.000 đồng; quản lý của Nguyễn Công H số tiền 800.000 đồng có được do thu tiền gá bạc của 08 bị cáo đánh bạc.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/3/2022, Th3, B2, H2 cùng đến nhà ông B1 (ông B1 là bố đẻ bị cáo H) để thắp hương lễ 3 ngày cho bà Phạm Thị T là vợ ông B1. Khoảng 10 phút sau, H3 đến ngồi uống nước cùng Th3, B2, H2. NH2 ông B1 lúc này chỉ có ông B1 và H, nhưng ông B1 đã đi ngủ, H ngồi tiếp khách. Thấy 01 bộ tứ lơ khơ có sẵn ở gần đó, B2 nảy sinh ý định đánh bạc nên nói với mọi người “*Anh em mình đánh tí liêng!*”. Th3, H2, H3 đồng ý. Do muốn thu tiền hồ, H đồng ý để các bị cáo đi vào gian buồng ngủ của gia đình ông B1 đánh bạc dưới hình thức đánh “đánh liêng” với cách thức và thể lệ như sau: Trước mỗi ván bạc, người chơi phải góp số tiền cố định là 10.000 đồng/người (gọi là góp gá). Mỗi người được chia 3 lá bài, số bài còn lại để ra ngoài. Người chơi nhận bài của mình tương ứng tại vị trí ngồi và bắt đầu tổ. Người chia bài được tổ đầu tiên, sau đó lần lượt đến người khác theo ngược chiều kim đồng hồ. Người tổ sau có thể tổ bằng hoặc cao hơn người tổ trước, nhưng không quá 20.000 đồng, tùy theo chiến thuật và tính toán của mình. Nếu thấy bài của mình không thắng được thì người chơi có thể xin thua và bị mất số tiền đã góp gá và tiền tổ trước đó. Người nào tổ cao nhất đến cuối cùng là người thắng và được nhận toàn bộ số tiền góp gá và tiền tổ của cả ván bài đó, đồng thời là người chia bài và tổ đầu tiên ở ván bài tiếp theo. Trường hợp có nhiều người cùng tổ số tiền bằng nhau thì phải tính điểm. Ai có điểm bài cao nhất là người thắng. Quy ước “sáp” gồm 3 lá bài có cùng điểm (ví dụ: 222, 333, QQQ...) là lớn nhất; tiếp theo đến “liêng” gồm 3 lá bài có điểm liên tiếp nhau (ví dụ 567, 789, JQK...); Sáp lớn thắng sáp nhỏ, liêng lớn thắng liêng nhỏ. Sáp AAA là lớn nhất; sáp 222 là nhỏ nhất; liêng QKA là lớn nhất; liêng A23 là nhỏ nhất. Nếu không có sáp, liêng thì người chơi cùng tính điểm bài với nhau. Được 9 điểm là lớn nhất và 0 điểm (hoặc tổng điểm là bội số của 10) là nhỏ nhất. Mỗi lá bài A, 2, 3, ..., 8, 9 được tính tương ứng là 1, 2, 3, ..., 8, 9 điểm; các lá bài 10, J, Q, K được tính là 0 điểm. Trường hợp có 2

người trở lên có cùng số điểm cao nhất thì tiếp tục so chất bài với nhau theo quy ước từ lớn đến nhỏ là rô - cơ - nhép - bích. Lá bài A là lớn nhất, giảm dần đến lá bài 2 là nhỏ nhất. Vị trí ngồi đánh bạc tính từ cửa và theo chiều kim đồng hồ là Th3 - B2 - H3 - H2. Bốn người đánh bạc được khoảng 20 phút, thì Th, T2, L2, V1 đến và có ý muốn cùng vào đánh bạc. Thấy có nhiều người muốn chơi bạc, H2 đề nghị chuyển sang hình thức đánh sóc đĩa và bảo Th đi cắt quân vị. Mọi người đồng ý. Th mang kéo và 01 bát, 01 đĩa của gia đình ông B1ra, dùng kéo cắt 01 lá bài thành 4 quân vị hình tròn. Tất cả thống nhất mức đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất không giới hạn. Th là người cầm cái, đánh bạc với 7 người còn lại. Th đặt 4 quân vị vào đĩa, úp bát lên, dùng 2 tay bê bát - đĩa sóc nhiều lần rồi đặt xuống chiếu. Th3, B2, H2, H3, T2, L2, V1 đặt tiền cược vào một trong hai cửa chẵn hoặc lẻ tùy theo dự đoán của mình. Mọi người đặt cược xong, Th mở bát. Nếu có 2 hoặc 4 quân vị cùng sấp hoặc cùng ngửa thì gọi là “chẵn”. Trường hợp này, người đặt cược chẵn thắng và được Th trả số tiền bằng số tiền đã đặt cược; người đặt cửa lẻ thua, bị mất số tiền đã đặt cược cho Th. Ngược lại, nếu có 3 quân vị cùng sấp hoặc cùng ngửa thì gọi là “lẻ”. Người đặt cửa lẻ thắng và được Th trả một số tiền bằng số tiền đã đặt cược; người đặt cửa chẵn thua, bị mất số tiền đã đặt cược cho Th. Th ngồi hướng ra cửa, còn những người chơi ngồi xung quanh, vị trí không cố định. Tất cả cùng nhau đánh bạc được khoảng 20 phút, thì H đi vào nói: “*Mỗi người nộp 100.000 đồng tiền dọn dẹp*”, ý hiểu là tiền hồ. Tất cả đồng ý, Th đứng ra thu của 8 người chơi, mỗi người 100.000 đồng, được tổng số 800.000 đồng, đưa cho H. H cầm tiền rồi đi ra ngoài. Tất cả tiếp tục đánh bạc đến 21 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 13.650.000 đồng, 51 lá bài tứ lơ khơ, 04 quân vị, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 01 chiếc kéo. Kiểm tra, thu giữ tiền dùng để đánh bạc trên người các bị cáo gồm: Th 7.770.000 đồng, Th3 3.100.000 đồng, B2 3.170.000 đồng, H2 200.000 đồng, H3 970.000 đồng, L2 1.500.000 đồng, V1 90.000 đồng và T2 120.000 đồng; quản lý của H số tiền 800.000 đồng tiền hồ.

Tại phiên tòa xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 30.570.000 đồng trong đó Th khai số tiền đánh bạc khoảng 14.000.000 đồng; B2 khai số tiền đánh bạc khoảng 8.000.000 đồng; Th3 có khai số tiền đánh bạc khoảng 5.000.000 đồng; H2 khai số tiền đánh bạc khoảng 1.000.000 đồng; L2 khai số tiền đánh bạc khoảng 1.200.000 đồng; H3 khai số tiền đánh bạc khoảng 1.000.000 đồng; T2 khai số tiền đánh bạc khoảng 600.000 đồng; V1 khai số tiền đánh bạc khoảng 500.000 đồng. Các bị cáo đều khai không xác định được chính xác số tiền mang theo để đánh bạc nhưng đều thừa nhận số tiền cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc và thu trên người các bị cáo đều là tiền dùng để đánh bạc. Đối với bị cáo H không tham gia đánh bạc, thu tiền gá bạc 800.000 đồng của 8 bị cáo, mỗi người 100.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT-VKSQP ngày 18/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố bị cáo H về tội “*gá bạc*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Th, B2, Th3, H2, L2, H3, T2, V1 về tội: “*Đánh bạc*”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H; áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Th, B2, Th3, H2, L2, H3, T2, V1; áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H3; áp dụng khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo Th, Th3, L2, H3; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Th, B2, Th3, H2 T2; áp dụng Điều 36 đối với bị cáo L2, H3, V1.

-Xử phạt bị cáo H, Th, B2 mỗi bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo Th3 từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo H2, T2, mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo L2 từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo H3, V1, mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ (các bị cáo được trừ 2 ngày tạm giữ bằng 6 ngày cải tạo không giam giữ); không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo L2, H3, V1. Phạt bổ sung bị cáo H từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng; phạt bổ sung các bị cáo Th, B2, Th3, H2, H3, L2, T2, V1 mỗi bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Về xử lý vật chứng và án phí: Tịch thu sung vào ngân sách nH2 nước số tiền 31.370.000 đồng; tịch thu để tiêu hủy 01 bộ tứ lơ khơ 51 lá bài, 04 quân vị, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 01 chiếc kéo. Các bị cáo H, Th, B2, H2, L2, T2, V1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí cho các bị cáo Th3, H3.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, các bị cáo có lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi cư trú để có điều kiện chăm sóc con cái, trở thành công dân có ích cho xã hội.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:***

[1] Về H2nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến H2nh tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo H khai nhận thời điểm bị cáo B2 khởi xướng đánh bạc, lúc này trong gia đình chỉ có bị cáo và bố đẻ là ông Phạm Công B1, do bố đẻ đã đi ngủ, bị cáo ngồi tiếp khách đến thấp hương ba ngày cho mẹ đẻ bị cáo, do ý muốn thu tiền hồ lên H đã nhất trí để các bị cáo B2, Th3, H2, H3 đánh bạc tại nơi ở của bố đẻ và sau đó các bị cáo Th, L2, T2, V1 đến cùng tham gia đánh bạc. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và còn được chứng minh bằng các tài liệu như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu; Sơ đồ hiện trường; Biên bản xác minh; Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng 19 giờ 30 phút đến 21 giờ 40 phút, ngày 03/3/2022, tại nh2 ở của gia đình ông Nguyễn Công B1 - Bố đẻ bị cáo Nguyễn Công H, tại Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Công H đã đồng ý để cho các bị cáo Nguyễn Công B2, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Đắc Th3 và Nguyễn Quốc H3 cùng có H2nh vi đánh bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh liêng”; sau đó, tiếp tục cùng với Nguyễn Thế Th, Nguyễn Công L2, Nguyễn Duy T2 và Nguyễn Công V1 đánh bạc được thua bằng tiền với nhau dưới hình thức “sóc đĩa”, bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ số tiền 08 bị cáo đánh bạc là 30.570.000 đồng, thu giữ tiền bị cáo H gá bạc là 800.000 đồng và các vật chứng khác.

H2nh vi của các bị cáo Th, B2, Th3, H2, L2, H3, T2, V1 đã phạm tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. H2nh vi của bị cáo H đã phạm tội “*gá bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

### **Điều 321. Tội đánh bạc**

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.*

.....  
....

*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

### **Điều 322 Bộ luật Hình sự: Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc**

*1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

.....

*c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;*

.....

*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của H2nh vi phạm tội của các bị cáo cho thấy: H2nh vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của nH2 nước về trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ H2nh vi phạm tội của từng bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án cho thấy:

Về H2nh vi gá bạc: Sau khi bị cáo B2 khởi xướng việc đánh bạc, bị cáo H đã đồng ý để các bị cáo trực tiếp đánh bạc tại nơi ở của bố đẻ, mục đích của bị cáo H là thu tiền gá bạc và đã trực tiếp nhận tiền gá bạc từ 08 bị cáo đánh bạc. Xét thấy số tiền gá bạc thấp, phạm tội do B2 phát, vì vậy khi lượng hình cần lên mức án đối với bị cáo H tương xứng với hành vi, số tiền gá bạc cho phù hợp.

Về hành vi đánh bạc: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công và bàn bạc cụ thể từ trước, nhưng vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo có sự khác nhau, vì vậy cần phải xem xét hành vi, vai trò và số tiền dùng đánh bạc cũng như nhân thân của từng bị cáo để xét xử và lên mức hình phạt cho phù hợp. Trong vụ án này, bị cáo B2 là người khởi xướng và có số tiền dùng đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án. Đối với bị cáo Th tham gia đánh bạc sau, nhưng có số tiền dùng vào đánh bạc nhiều nhất trong vụ án, trực tiếp cầm cái và chuẩn bị công cụ phạm tội, vì vậy cần lên mức án đối với bị cáo Th và B2 ngang nhau và cao nhất trong vụ án. Đối với bị cáo Th3 tham gia đánh bạc có số tiền dùng vào đánh bạc nhiều thứ ba trong vụ án, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, vì vậy mức án của bị cáo Th3 phải xếp thứ hai. Đối với bị cáo H2 tham gia đánh bạc có số tiền dùng vào đánh bạc nhiều thứ năm trong vụ án, nhưng bị cáo là người đề xuất chuyển đổi sang hình thức đánh xóc đĩa. Bị cáo T2 tham gia đánh bạc sau và có số tiền dùng vào đánh bạc thấp nhất trong vụ án, nhưng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, vì vậy cần xếp mức hình phạt đối với hai bị cáo này ngang nhau và đứng thứ ba trong vụ án. Đối với bị cáo L2 tham gia đánh bạc sau và có số tiền dùng vào đánh bạc nhiều thứ tư trong vụ án, bị cáo H3 và bị cáo V1 tham gia đánh bạc sau và có số tiền dùng vào đánh bạc thấp nhất, vì vậy khi lượng hình cần lên mức hình phạt đối với bị cáo L2, H3, V1 cho phù hợp.



[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng và nhân thân của các bị cáo cho thấy: Tại phiên tòa các bị cáo tH2nh khẩn khai báo, các bị cáo Th, B2, Th3, H2, L2, H3, T2, V1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo H, Th, Th3, L2, H3 có thời gian tham gia quân đội. Bị cáo H, L2, H3 có bố đẻ được tặng thưởng huân chương. Bị cáo H3 được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang. Vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Th, B2, Th3, H2, L2, H3, T2, V1; áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H3; áp dụng 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H, L2 và áp dụng một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Th, Th3, H3 để các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo B2, Th3, T2 đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng tính đến ngày phạm tội đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt hành chính, đây cũng là một trong những căn cứ quan trọng để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện tại có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo H, Th, B2, Th3, H2 và T2. Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo L2, H3 và V1. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo tH2nh công dân có ích cho xã hội.

[6] Về H2nh phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo H thu tiền bất chính từ hành vi gá bạc, các bị cáo còn lại phạm tội đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Đối với bị L2, H3 và V1 hiện tại không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, vì vậy không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo L2, H3 và V1.

[7] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý 01 bộ tú lơ khơ 51 lá bài, 04 quân vị hình tròn, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếc kéo, xét thấy đây là vật chứng của vụ án và hiện là vật không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn quản lý số tiền 31.370.000 đồng mà các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội hoặc do phạm tội mà có, cần tịch thu số tiền này nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Th3, H3 là người cao tuổi, vì vậy miễn án phí hình sự cho bị cáo Th3 và H3

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công H phạm tội “*gá bạc*”. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế Th, Nguyễn Công B2, Nguyễn Đắc Th3, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Công L2, Nguyễn Quốc H3, Nguyễn Duy T2 và Nguyễn Công V1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

*- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (*bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022* ). Phạt bổ sung bị cáo H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách NH2 nước.

*- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Th 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (*bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022* ). Phạt bổ sung bị cáo Th 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách NH2 nước.

*- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công B2 01(một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (*bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022* ). Phạt bổ sung bị cáo B2 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

*- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc Th3 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (*bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022* ). Phạt bổ sung bị cáo Th3 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

*- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án

sơ thẩm. (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 ). Phạt bổ sung bị cáo H2 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T2 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 ). Phạt bổ sung bị cáo T2 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố B, tỉnh Thái Bình; Giao các bị cáo Th, B2, Th3, H2, T2 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

*“Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự”.*

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công L2 01 (một) năm 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 02 (hai) ngày tạm giữ (từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 ) bằng 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 08 (tám) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo L2 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công V1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 02 (hai) ngày tạm giữ (từ ngày 04/3/2022 đến ngày 06/3/2022 ) bằng 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo V1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 02 (hai) ngày tạm giữ (từ ngày 04/3/2022 đến ngày

06/3/2022 ) bằng 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo H3 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo L2, V1 và H3 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo L2, V1 và H3.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu 01 bộ tú lơ khơ 51 quân, 04 quân vị hình tròn, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếc kéo để tiêu hủy; Tịch thu số tiền 31.370.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

*(Vật chứng và số tiền trên có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 20/5/2022 hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ đang quản lý)*

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Công H, Nguyễn Thế Th, Nguyễn Công B2, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Công L2, Nguyễn Duy T2 và Nguyễn Công V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đắc Th3 và Nguyễn Quốc H3.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã M, huyện Q;
- UBND phường Tr, Tp. B;
- Bị cáo; người có QLVN liên quan;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN MINH ĐỨC**

